**#(m)(Type:LT)(Level:D)(Skill:2)**

Đặc điểm nào sau đây có ở giảm phân mà không có ở nguyên phân?

\*A. Xảy ra sự tiếp hợp và có thể có hiện tượng trao đổi chéo.

B. Có sự phân chia của tế bào chất.

C. Có sự phân chia nhân.

D. NST tự nhân đôi ở kì trung gian thành các NST kép.

**#(m)(Type:LT)(Level:D)(Skill:1)**

Khi nói về phân bào giảm phân, phát biểu nào sau đây là đúng?

A. Tất cả mọi tế bào đều có thể tiến hành giảm phân

\*B. Từ 1 tế bào 2n qua giảm phân bình thường sẽ tạo ra bốn tế bào n

C. Quá trình giảm phân luôn tạo ra tế bào con có bộ NST đơn bội

D. Sự phân bào giảm phân luôn dẫn tới quá trình tạo giao tử

**#(m)(Type:LT)(Level:K)(Skill:2)**

Những phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về giảm phân?

(1) Giai đoạn thực chất làm giảm đi một nửa số lượng NST ở các tế bào con là giảm phân I.

(2) Trong giảm phân có 2 lần nhân đôi NST ở hai kì trung gian.

(3) Giảm phân sinh ra các tế bào con có số lượng NST giảm đi một nửa so với tế bào mẹ.

(4) Bốn tế bào con được sinh ra đều có n NST giống nhau về cấu trúc.

Những phương án trả lời đúng là:

A. (1), (2).

\*B. (1), (3).

C. (1), (2), (3).

D. (1), (2), (3), (4).

**#(m)(Type:LT)(Level:TB)(Skill:1)**

Ở thời kì đầu giảm phân 2 không có hiện tượng

A. NST co ngắn và hiện rõ dần.

\*B. NST tiếp hợp và trao đổi chéo.

C. màng nhân phồng lên và biến mất.

D. thoi tơ vô sắc bắt đầu hình thành.

**#(m)(Type:LT)(Level:K)(Skill:4)**

Trong giảm phân, cấu trúc phân tử của NST có thể bị thay đổi bởi hiện tượng

A. nhân đôi NST.

\*B. trao đổi chéo.

C. NST dãn xoắn.

D. NST co ngắn.

**#(m)(Type:LT)(Level:TB)(Skill:2)**

Kết thúc giảm phân I, sinh ra 2 tế bào con, trong mỗi tế bào con có

A. n NST đơn, dãn xoắn.

\*B. n NST kép, dãn xoắn.

C. 2n NST đơn, co xoắn.

D. n NST đơn, co xoắn.

**#(m)(Type:LT)(Level:TB)(Skill:1)**

**Giảm phân chỉ xảy ra ở loại tế bào nào sau đây?**

**A. Tế bào sinh dưỡng.**

**\*B. Tế bào sinh dục chín.**

**C. Tế bào hợp tử.**

**D. Tế bào giao tử.**

**#(m)(Type:LT)(Level:K)(Skill:2)**

**Ở sinh vật nhân thực, các hiện tượng dẫn đến giảm phân tạo ra nhiều loại giao tử khác nhau về nguồn gốc và cấu trúc NST gồm:**

**(1) Các NST kép xếp thành 2 hàng ở mặt phẳng xích đạo trong kì giữa I.**

**(2) Trao đổi chéo của các cặp NST tương đồng ở kì đầu I.**

**(3) Sự phân li độc lập của các cặp NST tương đồng ở kì sau I.**

**(4) Các NST kép xếp thành 1 hàng ở mặt phẳng xích đạo trong kì giữa II.**

**A. (1) và (2).**

**\*B. (2) và (3).**

**C. (1) và (4).**

**D. (3) và (4).**

**#(m)(Type:BT)(Level:D)(Skill:3)**

Có 5 tế bào sinh tinh tham gia giảm phân tạo tinh trùng. Số tinh trùng được tạo thành là:

A. 5.

B. 10.

C. 15.

\*D. 20.

**#(m)(Type:LT)(Level:D)(Skill:2)**

Có x tế bào sinh dục chín tiến hành giảm phân, trong quá trình đó có bao nhiêu thoi phân bào được hình thành?

A. x.

\*B. 2x.

C. 3x.

D. 4x.

**#(m)(Type:BT)(Level:D)(Skill:3)**

10 tế bào sinh trứng tham gia giảm phân, số trứng được tạo ra là:

A. 5.

\*B. 10.

C. 15.

D. 20.

**#(m)(Type:LT)(Level:TB)(Skill:3)**

Trường hợp nào sau đây được gọi là giảm phân?

A. Tế bào mẹ 2n tạo ra các tế bào con có bộ NST 2n.

\*B. Tế bào mẹ 4n tạo ra các tế bào con có bộ NST 2n.

C. Tế bào mẹ n tạo ra các tế bào con có bộ NST n.

D. Tế bào vi khuẩn tạo ra các tế bào vi khuẩn.

**#(m)(Type:LT)(Level:TB)(Skill:2)**

Trong giảm phân, ở kì sau I và kì sau II có điểm giống nhau là

A. các NST đều ở trạng thái đơn.

B. các NST đều ở trạng thái kép.

C. có sự dãn xoắn của các NST.

\*D. có sự phân li các NST về 2 cực tế bào.

**#(m)(Type:LT)(Level:D)(Skill:2)**

Phát biểu nào sau đây đúng với sự phân li của các NST ở kì sau I của giảm phân?

A. Phân li các NST đơn.

\*B. Phân li các NST kép, không tách tâm động.

C. NST chỉ di chuyển về 1 cực của tế bào.

D. Tách tâm động rồi mới phân li.

**#(m)(Type:BT)(Level:K)(Skill:3)**

Một tế bào sinh dục giảm phân vào kì giữa của giảm phân I thấy có 96 sợi cromatit. Kết thúc giảm phân tạo các giao tử, trong mỗi tế bào giao tử có số NST là:

\*A. 24.

B. 48.

C. 96.

D. 12.

**#(m)(Type:LT)(Level:D)(Skill:1)**

Kết thúc kì sau I của giảm phân, hai NST kép cùng cặp tương đồng có hiện tượng nào sau đây?

A. Hai chiếc cùng về 1 cực tế bào.

B. Một chiếc về cực và 1 chiếc ở giữa tế bào.

\*C. Mỗi chiếc về một cực tế bào.

D. Đều nằm ở giữa tế bào.

**#(m)(Type:LT)(Level:D)(Skill:1)**

Khi nói về giảm phân, phát biểu nào sau đây là đúng?

A. Mỗi tế bào có thể tiến hành giảm phân 1 lần hoặc nhiều lần.

\*B. Giảm phân trải quan hai lần phân bào nhưng NST chỉ nhân đôi 1 lần.

C. Phân bào giảm phân diễn ra ở mọi tế bào của cơ quan sinh dục.

D. Phân bào giảm phân không quá trình phân chia tế bào chất.

**#(m)(Type:LT)(Level:TB)(Skill:2)**

Lần phân bào II trong giảm phân có đặc điểm

\*A. tương tự như quá trình nguyên phân.

B. thể hiện bản chất giảm phân.

C. tương tự như lần phân bào I.

D. có xảy ra tiếp hợp NST.

**#(m)(Type:LT)(Level:D)(Skill:1)**

Cho các phát biểu sau:

(1) Diễn ra hai lần phân bào liên tiếp.

(2) Nó chỉ diễn ra ở các loài sinh vật hữu tính.

(3) Ở kì giữa I có nhiều kiểu sắp xếp NST.

(4) Ở kì đầu I có sự trao đổi chéo giữa các NST tương đồng.

Có bao nhiêu phát điểu đúng với nguyên nhân quá trình giảm phân được nhiều loại giao tử?

A. 1, 2, 3.

\*B. 3, 4.

C. 2, 3, 4.

D. 1, 2, 3, 4.

**#(m)(Type:LT)(Level:TB)(Skill:3)**

Sự trao đổi chéo NST trong giảm phân

A. làm tăng số lượng NST trong tế bào.

B. tạo ra sự ổn định về thông tin di truyền.

\*C. tạo ra nhiều loại giao tử, góp phần tạo ra sự đa dạng sinh học.

D. duy trì tính đặc trưng về cấu trúc NST.

**#(m)(Type:LT)(Level:D)(Skill:1)**

Đặc điểm nào sau đây chỉ có ở kì cuối của giảm phân 1 mà không có ở kì cuối của giảm phân II?

A. Màng nhân xuất hiện.

B. Thoi tơ vô sắc biến mất.

C. NST ở dạng sợi đơn.

\*D. Các NST ở dạng sợi kép.

**#(m)(Type:BT)(Level:TB)(Skill:3)**

Ở ruồi giấm 2n= 8. Vào kì sau của giảm phân 1 có 1 cặp NST không phân li. Kết thúc lần giảm phân I sẽ tạo ra:

A. Hai tế bào con, mỗi tế bào đều có 4 NST đơn.

B. Hai tế bào con, mỗi tế bào đều có 4 NST kép.

\*C. Một tế bào có 3 NST kép, một tế bào có 5 NST kép.

D. Một tế bào có 2 NST đơn, một tế bào có 5 NST đơn.

**#(m)(Type:BT)(Level:K)(Skill:3)**

Ở ruồi giấm 2n= 8. Vào kì sau II, trong mỗi tế bào có:

A. 8 NST kép, 16 cromatit, 8 tâm động.

B. 4 NST đơn, 0 cromatit, 4 tâm động.

\*C. 8 NST đơn, 0 cromatit, 8 tâm động.

D. 16 NST kép, 32 cromatit, 16 tâm động.

**#(m)(Type:LT)(Level:TB)(Skill:1)**

Trong giảm phân I, NST kép tồn tại ở

A. kì giữa và kì đầu.

B. kì đầu và kì cuối.

\*C. tất cả các kì.

D. kì đầu, kì giữa và kì sau.

**#(m)(Type:LT)(Level:TB)(Skill:1)**

Trong giảm phân II, NST đơn tồn tại ở

A. kì đầu và kì giữa.

B. kì giữa và kì sau.

\*C. kì sau và kì cuối.

D. kì đầu và kì cuối.

**#(m)(Type:LT)(Level:D)(Skill:3)**

Cơ chế duy trì bộ nhiễm sắc thể của loài sinh sản hữu tính là

A. nguyên phân và giảm phân.

B. giảm phân và thụ tinh.

C. nguyên phân và thụ tinh.

\*D. nguyên phân, giảm phân và thụ tinh.

**#(m)(Type:BT)(Level:TB)(Skill:2)**

Một nhóm tế bào sinh tinh tham gia giảm phân tạo ra 256 tinh trùng. Số tế bào sinh tinh là

A. 16.

B. 32.

\*C. 64.

D. 128

**#(m)(Type:BT)(Level:K)(Skill:3)**

Một tế bào của gà có 2n=78 tham gia quá trình giảm phân tạo giao tử. Số nhiễm sắc thể và cromatit ở kì sau I lần lượt là

\*A. 78 và 156.

B. 78 và 78.

C. 156 và 156.

D. 78 và 0.

**#(m)(Type:BT)(Level:K)(Skill:4)**

Có 10 tế bào sinh tinh của một loài động vật lưỡng bội (2n) tiến hành giảm phân, tổng số NST trong các tế bào con là 480 NST đơn. Bộ NST lưỡng bội của loài là

\*A. 2n=24.

B. 2n=12.

C. 2n=36.

D. 2n=48.

**#(m)(Type:BT)(Level:K)(Skill:4)**

Một tế bào lúa nước có 2n=24 trải qua quá trình giảm phân hình thành giao tử. Số nhiễm sắc thể và số tâm động ở kì cuối II trong mỗi tế bào là

\*A. 12 và 12.

B. 12 và 0.

C. 12 và 24.

D. 24 và 24.

**#(m)(Type:BT)(Level:TB)(Skill:4)**

Ở tinh tinh 2n=48, quan sát bức ảnh chụp dưới kính hiển vi tế bào tinh tinh đang phân chia thì thấy trong 1 tế bào có 24 nhiễm sắc thể đơn. Tế bào ấy đang ở

A. kì đầu I.

B. kì giữa II.

C. kì sau II.

\*D. kì cuối II.